TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 285/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 01 – 7 – 2024
"Về tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hứa Minh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Trường An

2. Bà Nguyễn Huỳnh Hưỡng

- Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Thúy Vân, là Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau.

Ngày 01 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công Khi vụ án thụ lý số: 218/2024/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 4 năm 2024 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 195/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Tố Q, sinh năm: 1983 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B.M II, xã K.H, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Anh Trần Minh Kh, sinh năm: 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B.M II, xã K.H, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 04/4/2024, chị Lê Tố Q trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Trần Minh Kh xác lập quan hệ hôn nhân và chung sống vợ chồng vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã K.H, huyện T, tỉnh Cà Mau. Hôn nhân được xác lập trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức hỏi cưới theo phong tục, tập quán và được gia đình hai bên chấp thuận.

Quá trình chung sống, chị Q cho rằng tình cảm vợ chồng không còn gắn bó, hạnh phúc do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, từ đó mâu thuẫn kéo dài mà không có cách khắc phục nên chị và anh Kh đã sống ly thân với nhau. Do đó, chị

xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Kh.

- Về con chung: Chị Q xác định giữa chị và anh Kh có 02 người con chung là Trần Huyền Tr, sinh ngày 18/9/2004 và Trần An K, sinh ngày 18/4/2011, hiện đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con; không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Q xác định không có.

- Về nợ chung: Chị Q Khi rằng giữa chị và anh Kh không có nợ ai và không ai nợ lại anh, chị.

* Đối với anh Trần Minh Kh vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Về loại việc tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Tranh chấp giữa chị Lê Tố Q và anh Trần Minh Kh là tranh chấp về ly hôn và nuôi con nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với việc vắng mặt của anh Trần Minh Kh: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến phiên tòa để tham gia hòa giải và xét xử vụ án, do anh Kh trực tiếp nhận các văn bản tố tụng nhưng anh Kh vẫn không có ý kiến phản hồi, đồng thời cũng không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Kh theo quy định. Đối với việc đề nghị vắng mặt của chị Lê Tố Q, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị Q theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Tố Q và anh Trần Minh Kh xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, có đăng ký kết hôn vào năm 2003 và đủ điều kiện kết hôn theo luật định nên hôn nhân được chấp nhận là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Quá trình chung sống, do vợ chồng có nhiều điểm bất đồng trong cuộc sống, dẫn đến tình cảm sức mẻ, không quan tâm, chăm sóc, cảm thông, chia sẻ lẫn nhau. Xét mâu thuẫn thực tế là có nhiều mâu thuẫn, nhận thấy về mục đích hôn nhân không đạt. Bởi lẽ, trong cuộc sống vợ chồng của anh chị, mỗi người đều có cách sống, cách nghĩ khác nhau. Từ đó, giữa vợ chồng đã nhiều lần cải vã, làm mất lòng tin đối với nhau, mỗi người có cuộc sống và mối quan hệ riêng tư, không quan tâm, giúp đở lẫn nhau. Mặt khác, sau khi xảy ra mâu thuẫn, anh chị tự sống ly thân để anh, chị tự dung hoà nhằm hàn gắn tình cảm vợ, chồng nhưng không có hiệu quả. Thời gian này để cho anh, chị có điều kiện thử thách bản thân, suy ngẫm về cuộc sống vợ chồng đã qua nhằm tìm cách tháo gỡ, khắc phục khuyết điểm của mỗi bên để vợ, chồng đoàn tụ nhưng không ai có biện pháp gì để khắc phục tình trạng mâu thuẫn và cũng không quan tâm, thăm hỏi, giúp đỡ lẫn nhau. Bên cạnh đó, chị Q cương quyết ly hôn, nếu không được xem xét thì chị cũng không thể quay lại chung sống với anh Kh, vì

tình cảm không còn và tương lai, hạnh phúc cũng không có. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Q được ly hôn anh Kh là có căn cứ.

[3] Về con chung: Xét thấy, cháu Trần Huyền Tr, sinh ngày 18/9/2004, hiện đã thành niên, có khả năng tự lập cuộc sống nên không xem xét trách nhiệm nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp. Đối với cháu Trần An K, sinh ngày 18/4/2011, hiện sống chung với chị Q nên tình cảm, môi trường sống, sinh hoạt, tâm lý của cháu đã ổn định, đồng thời nguyện vọng của cháu muốn được tiếp tục sống với chị Q, do đó tiếp tục giao cháu K cho chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con: Chị Q không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị Q xác định không có nên không đề cập giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị Q Khi rằng giữa chị và anh Kh không có nợ ai và không ai nợ lại anh, chị nên không đề cập giải quyết.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Tố Q về việc ly hôn anh Trần Minh Kh.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Trần An K, sinh ngày 18/4/2011 cho chị Lê Tố Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh Trần Minh Kh không trực tiếp nuôi con vẫn được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, chị Lê Tố Q phải chịu 300.000đ. Ngày 04 tháng 4 năm 2024, chị Q đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số: 4812 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau được đối trừ chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Chị Lê Tố Q và anh Trần Minh Kh được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- CCTHADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- UBND xã K.H, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

Hứa Minh Hải